

Số: **535** /BC-CCTTBVTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **31** tháng **5** năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình sinh vật gây hại cây trồng

(Từ ngày 23 tháng 5 năm 2023 đến ngày 30 tháng 5 năm 2023)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

1. Thời tiết

Nhiều mây, có mưa rào và dông vài nơi; riêng chiều và tối có mưa, mưa vừa, có nơi mưa to đến rất to và rải rác có dông. Gió tây nam cấp 2 - 3. Nhiệt độ thấp nhất từ 24°C - 27°C, nhiệt độ cao nhất từ 30°C - 33°C.

Dự báo tuần tới: Có mưa, mưa vừa và rải rác có dông, cục bộ có mưa to đến rất to (mưa lớn tập trung vào chiều tối và đêm). Nhiệt độ trung bình từ: 28°C - 29°C. Giá trị tổng lượng mưa 30 - 50 mm.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

a) Cây lúa

Vụ Hè thu 2023	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo trồng (ha)	Diện tích thu hoạch (ha)
	Mạ	1.051	
	Đẻ nhánh	1.918	
	Làm đồng	1.035	
	Trổ	210	
	Chín	-	
	Thu hoạch	-	
	Tổng	4.214	

b) Cây trồng khác

Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	DTGT (ha)	Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	DTGT (ha)
1. Cây rau Hè Thu 2023		3.620,3	2. Hoa, cây kiểng	Nhiều giai đoạn	1.720
- RALNN	Nhiều giai đoạn	1.068,8	Hoa lan	Nhiều giai đoạn	335
- RALDN	-	-	Hoa mai	Nhiều giai đoạn	765
- RCQNN	Nhiều giai đoạn	325,7	3. Cây lương thực		53,7
- RCQDN	Nhiều giai đoạn	265,5	Bắp	Sinh trưởng	0,2
- Rau gia vị	Nhiều giai đoạn	133,4	Khoai mì	Sinh trưởng	53,5
- Rau thủy sinh	Nhiều giai đoạn	117,0	4. Cây công nghiệp	Nhiều giai đoạn	1.260,3
- RMN	Nhiều giai đoạn	893,2			

Ghi chú: DTGT: Diện tích gieo trồng; RALNN: Rau ăn lá ngắn ngày; RALDN: Rau ăn lá dài ngày; RCQNN: Rau củ quả ngắn ngày; RCQDN: Rau củ quả dài ngày; RMN: Rau muống nước;

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU

1. Số liệu theo dõi rầy nâu vào bẫy đèn trên lúa (con/bẫy/đêm)

TT	HUYỆN	XÃ	Ngày vào đèn							
			22/5	23/5	24/5	25/5	26/5	27/5	28/5	29/5
1	Củ Chi	Thái Mỹ	5	12	9	11	6	8	9	14
		Trung Lập Thượng	68	56	60	64	60	62	68	-

III. TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU

1. Mật độ, tỷ lệ sinh vật gây hại chủ yếu

a) Trên cây lúa vụ Hè thu 2023

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Sâu cuốn lá	1-5			1-5	HM,CC
2	Bọ trĩ	3-5			1-5	HM
3	Sâu phao	1-5			1-5	CC, HM, BT
4	OBV	3-10			Các giai đoạn	CC, HM, BC, BT
5	Chuột	3			Các giai đoạn	CC, BT
6	Đạo ôn	3-10%			1-3	HM, CC
7	Đốm vằn	3-5%			1-3	CC

b) Trên cây rau

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Bọ nhảy	2-120			1-5	HM, Q12, BC, BT
2	Sâu xanh	1-10			1-5	HM, Q12, CC, BC, BT
3	Sâu tơ	3-12			1-5	HM, Q12, BC, BT
4	Dòi đục lá	2-6			1-5	HM, CC
5	Sâu đục trái	2-4			1-5	BC
6	Sâu ăn tạp	2-100			1-5	TĐ, HM, Q12, CC, BC, BT
7	Bọ trĩ	1-10			1-5	BC, CC
8	Rầy mềm	1-900			1-5	BC, BT, CC
9	Rầy xanh	3-7			1-5	HM, BC, CC
10	Rầy xám	100->500			1-5	HM, Q12
11	Bọ phấn	2-10			1-5	CC
12	Sâu đục đọt	5-10			1-5	BC
13	Bọ xít đen	5-10			1-5	TĐ
14	Ruồi đục trái	3-5			1-5	BC
15	OBV	3-30			Các giai đoạn	TĐ, HM, Q12
16	Ốc sên	2-5			Các giai đoạn	Q12, BC
17	Tnhũn/r.cải	1-10			1-3	HM, Q12, BC
18	Rỉ trắng/RM	2-10			1-3	TĐ, HM, Q12, CC, BC, BT
19	Đốm lá	2-5			1-3	BC, HM, Q12
20	Ph.vàng/dưa leo, khổ qua	5-7			1-3	HM
21	Vàng lá	2-10			1-3	TĐ, HM

2. Nhận xét tình hình sinh vật gây hại trong kỳ

a) Cây lúa vụ Hè thu 2023

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên lúa là 854,3 ha, tăng 125,6 ha so với tuần trước. Diện tích nhiễm tập trung tại huyện Củ Chi, Hóc Môn, Bình Chánh. Các sinh vật hại trên lúa hiện nay chủ yếu gồm có: Sâu cuốn lá, bọ trĩ, sâu phao, ốc brou vàng, chuột, bệnh đạo ôn, đốm vằn. Các sinh vật hại đều ở mức nhiễm nhẹ.

- Sâu cuốn lá: Diện tích nhiễm 33,7 ha, tăng 01 ha so với tuần trước.
- Bọ trĩ: Diện tích nhiễm 9,3 ha, giảm 28,7 ha so với tuần trước.
- Sâu phao: Diện tích nhiễm 94,7 ha, tăng 3,7 ha so với tuần trước.
- Ốc brou vàng: Diện tích nhiễm 506 ha, tăng 132 ha so với tuần trước.
- Chuột: Diện tích nhiễm 108 ha, tăng 01 ha so với tuần trước.
- Bệnh đạo ôn: Diện tích nhiễm 56,6 ha, tăng 14,6 ha so với tuần trước.
- Bệnh đốm vằn: Diện tích nhiễm 46 ha, tăng 02 ha so với tuần trước.

b) Cây rau

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên rau trong tuần qua là 607,6 ha, tăng 22,3 ha so với tuần trước, trong đó diện tích phòng trừ là 369,6 ha chiếm 60,8% diện tích nhiễm sinh vật hại. Các sinh vật hại chủ yếu là sâu ăn tạp, sâu xanh, rầy xám, bọ nhảy, dòi đục lá, bệnh rỉ trắng, bệnh đốm lá và ốc brou vàng. Các sinh vật hại đều có mật số và tỉ lệ bệnh ở mức nhẹ.

- Sâu ăn tạp: Diện tích nhiễm 110,8 ha, tăng 4,0 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở Quận 12, huyện Hóc Môn, Củ Chi, Bình Chánh.
- Sâu xanh: Diện tích nhiễm 64,4 ha, tăng 1,9 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Củ Chi, Bình Chánh.
- Dòi đục lá: Diện tích nhiễm 30,4 ha, tăng 1,0 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi.
- Rầy xám: Diện tích nhiễm 22,2 ha, tăng 1,1 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Quận 12.
- Bọ nhảy: Diện tích nhiễm 18,0 ha, giảm 1,1 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Bình Chánh.
- Ốc brou vàng: Diện tích nhiễm 208,6 ha, tương đương so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở thành phố Thủ Đức, huyện Hóc Môn, Quận 12.
- Bệnh rỉ trắng: Diện tích nhiễm 33,8 ha, tăng 4,6 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở Quận 12, huyện Củ Chi, Bình Chánh, Hóc Môn.
- Bệnh đốm lá: Diện tích nhiễm 7,6 ha, giảm 0,1 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Quận 12, Bình Chánh.
- Bệnh vàng lá: Diện tích nhiễm 7,4 ha, giảm 0,3 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở thành phố Thủ Đức, huyện Hóc Môn.

c) Cây hoa kiểng

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại là 28,04 ha tăng 1,87 ha so với kỳ trước. Diện tích phòng trừ sinh vật hại trên hoa lan, cây kiểng là 27,1 ha chiếm 96,5% diện tích nhiễm sinh vật hại. Các sinh vật hại phổ biến trên hoa lan là muỗi đục nụ, nhện đỏ, bọ trĩ, bệnh đốm lá...; trên cây hoa mai là nhện đỏ, bọ trĩ, sâu ăn lá, sâu đục thân, bệnh cháy lá, ... Các sinh vật hại đều có mật số và tỉ lệ bệnh ở mức nhẹ.

- *Cây hoa lan*: Diện tích nhiễm sinh vật hại là 12,85 ha, cao hơn so với kỳ trước (12,66 ha).

- *Cây hoa mai*: Diện tích nhiễm sinh vật hại là 14,5 ha, cao hơn so với kỳ trước (12,82 ha).

- *Cây hoa khác*: Diện tích nhiễm sinh vật hại là 0,7 ha, tương đương so với kỳ trước.

d) Trên cây trồng khác

Cây khoai mì: Chưa ghi nhận diện tích trồng khoai mì bị nhiễm bệnh khảm lá.

Cây dừa: Chưa ghi nhận diện tích bị sâu đầu đen (*Opisina arenosella*) gây hại trên cây dừa.

IV. DỰ BÁO SINH VẬT GÂY HẠI VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ

1. Dự báo sinh vật gây hại chủ yếu trong kỳ tới

a) Cây lúa

- *Rầy nâu*: Rầy nâu ngoài đồng phổ biến tuổi 1 - tuổi 2 với mật số thấp. Khuyến cáo nông dân thăm đồng thường xuyên, khi thấy rầy tuổi 2 - 3 xuất hiện với mật số cao (>3 con/tép), có thể sử dụng 1 trong các thuốc bảo vệ thực vật chống lột xác nằm trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng ở Việt Nam để phun trừ. Không nên phun phòng rầy, đặc biệt đối với các trà lúa <40 ngày sau sạ để bảo vệ nguồn thiên địch sẵn có trên đồng và tránh dịch hại bùng phát vào giai đoạn sau.

- *Ốc bươu vàng*: Thời tiết mưa nhiều tạo điều kiện thuận lợi cho ốc bươu vàng di chuyển gia tăng diện tích nhiễm. Cần chú ý ốc bươu vàng gây hại trên các chân ruộng thấp, trũng, khó thoát nước mới xuống giống vụ Hè Thu 2023. Khuyến cáo nông dân áp dụng các biện pháp phòng trừ để giảm mật số, ưu tiên sử dụng các biện pháp canh tác, sử dụng các cành cây, cọc gỗ... cắm ở ruộng nước, bờ ruộng để thu hút ốc đến đẻ trứng và tiêu diệt.

- *Các loại bệnh hại*: Thời tiết mưa nhiều, ẩm độ không khí cao tạo điều kiện thuận lợi cho bệnh đạo ôn, đốm vằn phát sinh, phát triển đặc biệt trên những ruộng gieo sạ giống nhiễm, sạ dày, bón thừa phân đạm. Khuyến cáo nông dân thăm đồng thường xuyên, nắm chặt diễn biến bệnh hại để kịp thời đưa ra các biện pháp quản lý đạt hiệu quả cao, bảo vệ năng suất, chất lượng lúa.

- Ngoài ra cần chú ý đến sâu phao, sâu cuốn lá, bọ trĩ trên các trà lúa ở giai đoạn mạ, đẻ nhánh; chuột giai đoạn đẻ nhánh - đồng.

- Các đối tượng khác xuất hiện và gây hại với tỷ lệ và mật số không cao.

b) Cây rau

- *Rau ăn lá*: Cần chú ý các loài sâu hại phổ biến như bọ nhảy, sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang, rầy xám, bọ trĩ. Ngoài ra cần chú ý phòng trị một số bệnh như bệnh gỉ trắng trên cây rau muống, bệnh đốm lá, vàng lá.

- *Rau ăn quả*: Lưu ý các sinh vật hại phổ biến như sâu ăn tạp, sâu xanh, ruồi đục trái, rầy mềm, đốm lá, vàng lá.

c) Cây hoa kiểng

- *Cây hoa lan*: cần lưu ý một số bệnh hại thường phát sinh gây hại như bệnh khô đầu lá, thối nhũn, đốm lá và một số côn trùng gây hại như nhện đỏ, muỗi đục nụ...

- *Cây hoa mai*: cần lưu ý phòng trị sâu ăn lá, rầy xanh, bọ trĩ, bệnh cháy lá.

d) Cây trồng khác

- *Cây khoai mì*: Theo dõi bệnh khảm lá virus trên cây khoai mì vụ Hè Thu 2023. Ngoài ra, lưu ý các đối tượng sinh vật gây hại như: nhện đỏ, bọ phấn trắng, rệp sáp bột hồng, rệp sáp... gây hại trên sản giai đoạn phát triển thân lá - phát triển củ - thu hoạch.

- *Cây bắp*: Cần lưu ý sâu keo mùa thu... trên bắp ở giai đoạn 5 lá - xoáy nõn - trổ cờ. Ngoài ra, lưu ý các đối tượng sinh vật gây hại khác như sâu xám, bệnh đốm lá, chuột,...

- *Cây dừa*: Cần lưu ý các đối tượng như bọ cánh cứng, bọ vòi voi, sâu đầu đen.

Ngoài ra, cũng cần lưu ý đến bệnh rụng lá đốm tròn trên cây cao su; bệnh Greening, và sâu đục trái trên cây có múi; Sâu đục thân, rệp sáp, rầy đầu vàng trên các ruộng mía giai đoạn đẻ nhánh tích cực và vươm lóng.

2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ sinh vật gây hại chủ yếu trong kỳ tới

- Theo dõi diễn biến sinh vật gây hại trên đồng và tình hình xuống giống lúa Hè Thu 2023.

- Thường xuyên cử cán bộ kỹ thuật theo dõi, bám sát đồng ruộng, điều tra nắm bắt kịp thời tình hình sinh vật hại để phòng trị kịp thời, tránh sâu hại lây lan và gây hại trên diện rộng, ảnh hưởng đến năng suất.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV ngày 06/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khảm lá virus hại sắn.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 9864/CT-BNN-BVTV ngày 19/12/2018 của Bộ NN&PTNT về việc tăng cường công tác phòng, chống chuột bảo vệ sản xuất.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị 4962/BNN-BVTV ngày 15/7/2019 của Bộ trưởng về tăng cường chỉ đạo phòng chống sâu keo mùa thu hại ngô, giám sát Phòng chống hiện tượng lùn xoắn lá ngô; Theo dõi chặt chẽ diễn biến của sâu keo mùa thu hại ngô, áp dụng Quy trình kỹ thuật phòng, chống sâu keo mùa thu do Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành trong Quyết định số 218/QĐ-BNN-BVTV ngày 16/01/2020.

- Trên nhóm cây có múi áp dụng các biện pháp quản lý trong quy trình phòng trừ bệnh greening và sâu đục trái cây có múi đã được ban hành. Khuyến cáo áp dụng biện pháp bao trái để phòng ngừa sâu đục trái gây hại. /.

Nơi nhận:

- Trung tâm BVTV Phía Nam;
- Sở NN và PTNT (phòng KHCN);
- UBND TP. Thủ Đức;
- UBND huyện: CC, HM, BC, NB, CG;
- UBND Quận: 7, 12, Bình Tân;
- Chi cục TTBVTV các tỉnh phía Nam;
- Hội Nông dân Thành phố;
- Trung tâm Khuyến nông;
- Ban lãnh đạo Chi Cục;
- Phòng: BVTV, TT;
- Trạm TTBVTV;
- Lưu: VT, BVTV.ĐTH (02).

KT. CHI CỤC TRƯỞNG

PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG



Trương Công Lực



Phụ lục I
TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỆM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY LÚA VỤ HÈ THU NĂM 2023
 (Kèm theo Báo cáo số: **535** /BC-CCTTBVTV, ngày **31** tháng **5** năm 2023 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiệm (ha)			Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhẹ-Tb	Nặng	MT		Kỳ trước	CKNT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Sâu cuốn lá	33,7			33,7	32,7	15,8		HM,CC
2	Bộ trĩ	9,3			9,3	38,0	93,9		HM
3	Sâu phao	94,7			94,7	91,0	80		CC,HM,BT
4	OBV	506			506	374,0	431		CC,HM,BC,BT
5	Chuột	108			108	107,0	84		CC,BT
6	Đạo ôn	56,6			56,6	42,0	35,6		HM,CC
7	Đốm vằn	46			46	44,0	21		CC
	Tổng	854,3			854,3	728,7	762,3		

CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Phụ lục II

TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỆM SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU TRÊN CÂY RAU

(Kèm theo Báo cáo số: 535/BC-CCTTBVTV, ngày 34-tháng 5 năm 2023 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiệm (ha)			Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhệ-Tb	Nặng	MT		Kỳ trước	CKNT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Bọ nhảy	18,0			18,0	19,1	25,3	12,4	HM, Q12, BC, BT
2	Sâu xanh	64,4			64,4	62,5	47,9	40,5	HM, Q12, CC, BC, BT
3	Sâu tơ	12,3			12,3	11,5	19,0	8,5	HM, Q12, BC, BT
4	Dòi đục lá	30,4			30,4	29,4	0,4	18,2	HM,CC
5	Sâu đục trái	1,8			1,8	1,8	1,5	1,8	BC
6	Sâu ăn tạp	110,8			110,8	106,8	115,0	69,9	TD, HM, Q12, CC, BC, BT
7	Bọ trĩ	25,8			25,8	23,8	9,9	13,8	BC, CC
8	Rầy mềm	11,1			11,1	11,1	1,9	6,0	BC, BT, CC
9	Rầy xanh	17,9			17,9	16,8	6,5	9,5	HM, BC, CC
10	Rầy xám	22,2			22,2	21,1	38,1	11,4	TD, HM, Q12
11	Bọ phấn	11,0			11,0	11,0	0,1	6,0	CC
12	Sâu đục đọt	0,9			0,9	0,8	1,6	0,9	BC
13	Bọ xít đen	4,0			4,0	4,0	1,0		TD
14	Ruồi đục trái	11,2			11,2	4,3	3,3	9,2	BC
15	OBV	208,6			208,6	208,6	218,5	122,9	TD, HM, Q12
16	Ốc sên	0,60			0,60	0,60	0,6	0,5	Q12, BC
17	Tnhũn/r.cài	5,3			5,3	5,3	9,9	3,4	HM, Q12, BC
18	Rỉ trắng/RM	33,8			33,8	29,2	39,0	24,2	TD, HM, Q12, CC, BC, BT
19	Đóm lá	7,6			7,6	7,7	9,9	4,8	BC, HM, Q12
20	Ph. vàng/dưa leo, khổ qua	2,5			2,5	2,2	0,8	1,3	HM
21	Vàng lá	7,4			7,4	7,7	4,3	4,4	TD, HM
	Tổng	607,6			607,6	585,3	554,5	369,6	

CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Phụ lục III

TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỆM SVGH CHỦ YẾU TRÊN HOA LAN CÂY KIỀNG
(Kèm theo Báo cáo số: **35** /BC-CCTBVTV, ngày **31** tháng **5** năm 2023 của Chi cục TTBT/V)

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiệm (ha)			Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhệ-Tb	Nặng	MT		Kỳ trước	CKNT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
I	Hoa lan	12,85			12,85	12,66	12,41	12,09	
1	Muối hại bông	5,18			5,18	5,32	6,97	5,01	TĐ,HM,Q12,CC,BC,BT,CG,Q7
2	Nhện đỏ	0,3			0,3	0,3	0,2	0,3	BC
3	Rệp vảy	0,12			0,12	0,12	0,12	0,07	CC, BC
4	Bọ trĩ	0,58			0,58	0,57	0,6	0,48	CC, BC
5	Ốc sên	0,2			0,2	0,2	0,2	0,2	TĐ, CG
6	Đốm lá	2,67			2,67	2,46	2,08	2,46	TĐ, HM, Q12, CC, CG, Q7
7	Khô đầu lá	1,65			1,65	1,45	0,15	1,65	CG, Q7
8	Thối nhũn	0,83			0,83	0,92	0,88	0,7	CC, BC, CG, Q7
9	Đốm đen	0,42			0,42	0,42	0,41	0,32	CC
10	Vàng lá	0,7			0,7	0,7	0,6	0,7	BC
11	Bọ cánh cứng	0,1			0,1	0,1	0,1	0,1	BC
12	Rêu xanh	0,1			0,1	0,1	0,1	0,1	TĐ
II	Hoa mai	14,5			14,5	12,82	55,87	14,31	
1	Nhện đỏ	1,93			1,93	2,02	6,79	1,88	TĐ, HM, Q12, CC, CG
2	Sâu ăn lá	4,47			4,47	3,5	21,42	4,47	TĐ, HM, Q12, CC, BC, CG
3	Bọ trĩ	3,2			3,2	2,87	11	3,18	TĐ, HM, Q12, CC, CG, BC
4	Sâu đục thân	0,02			0,02	0,05		0,02	HM
5	Rây xanh	1			1	0,8		1	BC
6	Cháy lá	1,33			1,33	1,13	4,21	1,21	TĐ, CC
7	Mốc cam	0,35			0,35	0,35	0,35	0,35	CG
8	Nấm hồng	1,2			1,2	1,1	0,21	1,2	BC, BT
9	Rong rêu	1			1	1	12	1	TĐ
III	Cây hoa khác	0,69			0,69	0,69	0,79	0,67	TĐ, CC, BC, CG
	Tổng cộng	28,04			28,04	26,17	69,07	27,07	

CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

